

TP. Ninh Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2024

Số: 13/2024/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Th (sau đây gọi là S); địa chỉ: số nhà H, đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của S: ông Lê Khắc H sinh năm 1987; địa chỉ: số N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 04/2023/UQ-CNNB ngày 19/6/2023).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T; địa chỉ: số M, đường T, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T: ông Phạm Văn B sinh năm 1989; địa chỉ: số nhà B, ngõ M, đường L, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Văn B sinh năm 1989; địa chỉ: số nhà B, ngõ M, đường L, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bà Phùng Thị Th nh năm 1989; địa chỉ: số nhà B, ngõ M, đường L, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 09/7/2024, Công ty TNHH T còn nợ S tổng số tiền là 12.585.034.785 đồng (mười hai tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126349714 ký ngày 20/10/2021 số tiền gốc là 10.435.000.000 đồng (mười tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi và lãi quá hạn là 2.094.455.732 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng);

- Nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 5721 ngày 17/5/2022 số tiền gốc là 48.000.010 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm mười đồng), tiền lãi là 7.579.043 đồng (bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng);

Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2.2. Công ty TNHH T có trách nhiệm trả nợ cho S số tiền 12.585.034.785 đồng (mười hai tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126349714 ký ngày 20/10/2021 số tiền gốc là 10.435.000.000 đồng (mười tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi và lãi quá hạn là 2.094.455.732 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc, mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126349714 ký ngày 20/10/2021;

- Nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 5721 ngày 17/5/2022 số tiền gốc là 48.000.010 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm mười đồng), tiền lãi là 7.579.043 đồng (bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc, mức lãi suất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 5721 ngày 17/5/2022.

Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 5721 ngày 17/5/2022: chậm nhất ngày 31/8/2024 trả toàn bộ tiền gốc là 48.000.010 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm mười đồng), tiền lãi là 7.579.043 đồng (bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc, mức lãi suất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 5721 ngày 17/5/2022.

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126349714 ký ngày 20/10/2021:

+ Từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/10/2024: trả 5% nợ gốc.

+ Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024: trả 5% nợ gốc.

+ Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/3/2025: trả 40% nợ gốc.

+ Từ ngày 01/4/2025 đến ngày 31/7/2025: trả 50% nợ gốc.

+ Chậm nhất ngày 31/8/2025 trả toàn bộ tiền lãi và lãi quá hạn là 2.094.455.732 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc, mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số 202126349714 ký ngày 20/10/2021.

Trường hợp ngày cuối cùng của kỳ trả nợ là ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày cuối cùng của kỳ trả nợ sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp đến hạn trả nợ mà Công ty TNHH T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ theo như thỏa thuận nêu trên, thì S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc Công ty TNHH T phải trả ngay toàn bộ số tiền còn nợ hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền buộc xử lý tài sản thế chấp của ông Phạm Văn B và tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Phùng Thị Th để thu hồi nợ cho S. Cụ thể như sau:

- Xử lý toàn bộ tài sản mà ông Phạm Văn B đã thế chấp để trả nợ cho S. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126349714/HĐTC2 ký ngày 08/07/2022 gồm: Quyền sử dụng các thửa đất số 170, 171, 172; tờ bản đồ số 22 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 270079, DH 270080 và DH 270081 mang tên ông Phạm Văn B tại địa chỉ: phố K, phường N, thành phố N cùng toàn bộ tài sản xây dựng gắn liền

với diện tích thửa đất số 170, 171, 172; tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ: phố K, phường N, thành phố N.

- Xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Phùng Thị Th là toàn bộ tài sản xây dựng gắn liền với diện tích thửa đất số 170, 171, 172; tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ: phố K, phường N, thành phố N.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên, S phải thanh toán cho bà Phùng Thị Th số tiền 400.000.000 đồng (giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Th trên 03 thửa đất số 170, 171, 172 tờ bản đồ số 22).

- Việc xử lý tài sản thế chấp (phương thức xử lý, quyền và nghĩa vụ của các bên) được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126349714/HĐTC2 ký ngày 08/07/2022 và theo quy định của pháp luật.

(phần tài sản xây dựng ngoài diện tích đất hợp pháp nêu trên của ông Phạm Văn B thuộc thẩm quyền xử lý giải quyết của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng).

Trường hợp số tiền thu từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Công ty TNHH T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi trả hết nợ.

2.3. Về án phí:

- Công ty TNHH T phải chịu 56.429.252 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Th không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Th 59.200.000 đồng (năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000172 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

- Bà Phùng Thị Th không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Th 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000331 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Ninh Bình;
- Chi cục THADSTPNB;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hiền